TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26/3/2026
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hồng Việt
2. Bà Nguyễn Thị Túy Phượng

- Thư ký phiên toà*:* Ông Nguyễn Đình Giang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 833/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp người nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Ngọc N, sinh năm 2004; thường trú tại: 9, đường Đ, khu phố T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Chí Hiếu B, sinh năm 2004; nơi thường trú: B, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn - bà Phan Thị Ngọc N trình bày:

Bà N và ông B chung sống với nhau từ năm 2023, sau đó mới tiến hành kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 233 ngày 10/12/2024. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc trong một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay bà N đã về nhà cha mẹ ruột sống không còn sống chung với ông B nữa.

Trong quá trình sống chung bà N và ông B có 01 con chung tên Phan Nguyễn Tuệ N1, sinh ngày 22/8/2023, tuy nhiên khi sinh cháu N1 do hai vợ chồng chưa đăng ký kết hôn nên trong khai sinh cháu N1 không có tên cha vì vậy tại đơn khởi kiện bà N trình bày là không có con chung. Quá trình Tòa án làm việc với ông B thì ông B khai có con chung là cháu Phan Nguyễn Tuệ N1, sinh ngày 22/8/2023 thì bà N xác định cháu N1 là con chung của ông B và bà N. Từ khi vợ chồng sống ly thân bà N một mình trực tiếp nuôi con nhưng có sự hỗ trợ thì phía gia đình bà N nên bà N yêu cầu trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp: Căn cước công dân bà N bản sao y; Căn cước công dân ông B photo, Giấy đăng ký kết hôn bản chính;...

Trong quá trình tố tụng ông Nguyễn Chí Hiếu B trình bày:

Thống nhất theo lời trình bày của bà N về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn và con chung.... Khi vợ chồng sống chung thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do cãi vã, mỗi lần vợ chồng gây gổ nhau thì bà N bế con về nhà mẹ ruột ở. Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Phan Nguyễn Tuệ N1, sinh ngày 22/8/2023. Tuy nhiên thời điểm sinh con thì bà N và ông B chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên cháu N1 không làm khai sinh được. Ông B không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong vụ án đã được Hội đồng xét xử xem xét nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp người nuôi con, bị đơn hiện đang cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt là có căn cứ

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông B tự nguyện tìm hiểu chung sống, có đăng ký kết hôn theo quy định nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng, bà N xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tình tình không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, hiện nay vợ chồng đã ly thân trong một thời gian dài không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông B không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tòa án nhiều lần triệu tập ông B tham gia phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng ông B vắng mặt thể hiện thái độ không muốn hòa giải. Mặt khác, bà N xác định bà không còn tình cảm với ông B nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà N về việc ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà N và ông B thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Phan Nguyễn Tuệ N1, sinh ngày 22/8/2023. Hiện nay cháu N1 dưới 36 tháng tuổi, ngoài ra là con gái nên cần giao cho mẹ nuôi dưỡng là hợp lý, mặt khác bà N có công việc ổn định, sống chung với cha mẹ ruột là điều kiện tốt để chăm sóc con chung.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xác định yêu cầu của bà N về việc được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Phan Nguyễn Tuệ N1 là có căn cứ và phù hợp với lợi ích của con chưa thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Phan Thị Ngọc N đối với bị đơn - ông Nguyễn Chí Hiếu B về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Ngọc N được ly hôn với ông Nguyễn Chí Hiếu B.

- Về con chung: Bà Phan Thị Ngọc N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Phan Nguyễn Tuệ N1, sinh ngày 22/8/2023.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Chí Hiếu B không phải cấp dưỡng nuôi con

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm trả còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Phan Thị Ngọc N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0045213 ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

***Nơi nhận**:*
- TAND TPHCM;
- Chánh án (để báo cáo);
- VKSND KV16-TPHCM;
- UBND phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 233 cấp ngày 10/12/2024;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Ngọc